

**TÒA ÁN NH1 DÂN
HUYỆN VĨNH CỬU
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 31/7/2020.

V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

**NH1 DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NH1 DÂN HUYỆN VĨNH CỬU, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Đại.

Các Hội thẩm nH1 dân:

1. Ông Nguyễn Ngọc Anh.

2. Ông Huỳnh Bình.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Quang T – Thư ký Tòa án nH1 dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nH1 dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai: Ông Nguyễn Trung Kiên – Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nH1 dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 135/2020/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 5 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Kim T, sinh năm 1989.

Hộ khẩu thường trú: Ấp B, xã T, huyện V, tỉnh Đ.

Chỗ ở hiện nay: Ấp P, xã P, huyện L, tỉnh V.

2. Bị đơn: Anh Trang Văn H, sinh năm 1986.

Địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện V, tỉnh Đ.

(Chị T, anh H có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện, bản tự khai nguyên đơn chị T trình bày:*

-Về quan hệ hôn nH1: Chị và anh H sau thời gian tìm hiểu đã tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nH1 dân xã T, huyện V, tỉnh Đ và được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 12/4/2016. Trong quá trình chung sống hai vợ chồng hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nH1 do vợ chồng bất đồng quan điểm, không hợp tính tình. Anh H không quan tâm, chăm lo cho gia đình, đánh đập vợ con. Vợ chồng thường xuyên cãi vã và chị bỏ về nhà mẹ đẻ tại tỉnh Long An sinh sống từ năm 2018 cho đến nay.

Nay chị nhận thấy cuộc sống vợ chồng không thể hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh H.

-Về con chung: Chị và anh H có 01 con chung là Trang Ngọc H1, sinh ngày 30/4/2016. Khi ly hôn chị xin trực tiếp nuôi dưỡng cháu H1. Về cấp dưỡng nuôi con chị không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con.

-Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết

** Tại biên bản lấy lời khai bị đơn anh H trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị T tự nguyện tìm hiểu và đi đến hôn nhân vào năm 2016, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện V. Trong quá trình chung sống hai vợ chồng anh hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm, không hợp tính tình, điều kiện kinh tế khó khăn dẫn đến xảy ra cãi vã, đánh đập nhau, không tìm được tiếng nói chung trong nhiều vấn đề, cuộc sống hôn nhân căng thẳng, mệt mỏi đến khoảng giữa năm 2018 chị T bỏ về nhà bố mẹ đẻ tại tỉnh Long An sinh sống và vợ chồng ly hôn cho đến nay. Trong thời gian ly hôn vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc, liên lạc gì với nhau nữa. Trước đây vợ chồng anh có tự hòa giải và gia đình có khuyên giải nhưng không hàn gắn được. Nay chị T ly hôn thì anh đồng ý.

- Về con chung: Anh và chị T có 01 con chung là Trang Ngọc H1, sinh ngày 30/4/2016. Hiện nay cháu H1 đang sống chung với chị T, khi ly hôn anh đồng ý giao cháu H1 cho chị T nuôi dưỡng, anh không cấp dưỡng nuôi con.

-Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

-Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**Ý kiến của Kiểm sát viên:*

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án được thực hiện đúng quy định Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án chấp hành đúng và đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa chấp hành đúng và đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng.

- Về việc giải quyết vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh H trong quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn, mục đích hôn nhân không đạt được, đề nghị chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T.

Về con chung: Đối với cháu H1 giao cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con chị T không yêu cầu anh H cấp dưỡng, nên không xem xét.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, nên không đặt ra xem xét.

Về án phí: Chị T phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]Về thẩm quyền: Anh Trang Văn H cư trú tại: Ấp B, xã T, huyện V, tỉnh Đ, nên đơn khởi kiện của chị T thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nH1 dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai.

[2]Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn chị T, bị đơn anh H có đơn xin vắng mặt tại phiên Tòa, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị T và anh H theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3]Về quan hệ hôn nH1: Chị T và anh H có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nH1 dân xã T, huyện V, tỉnh Đ vào năm 2016 trên cơ sở tự nguyện, căn cứ Luật Hôn nH1 và Gia đình năm 2014 hôn nH1 giữa chị T và anh H là hôn nH1 hợp pháp. Trong quá trình chung sống giữa hai vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, chị T có đơn khởi kiện xin ly hôn với anh H nên Tòa án áp dụng Luật Hôn nH1 và Gia đình năm 2014 để giải quyết.

Xét mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T và anh H xảy ra từ năm 2018 đến nay, nguyên nH1 do hai vợ chồng bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi nhau, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Giữa hai vợ chồng chị T và anh H đã tìm cách hòa giải khắc phục mâu thuẫn nhưng không có kết quả.

Trong quá trình giải quyết vụ án anh H thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn và hai vợ chồng anh ly thH1 từ năm 2018 cho đến nay. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án nhiều lần triệu tập anh H lên làm việc và hành hòa giải đoàn tụ theo quy định nhưng anh H vắng mặt, không tham gia phiên hòa giải đoàn tụ và tham gia tố tụng tại phiên tòa, chứng tỏ anh H không quan tâm đến quan hệ hôn nH1 của mình. Nay chị T xin ly hôn thì anh đồng ý.

Từ những nhận định trên, đủ cơ sở xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T và anh H là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nH1 không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị T, chị T được ly hôn với anh H.

[4]Về con chung: Hai vợ chồng chị T và anh H có 01 con chung là Trang Ngọc H1, sinh ngày 30/4/2016. Hiện nay cháu H1 đang sống chung với chị T. Ly hôn chị T xin trực tiếp nuôi dưỡng cháu H1, anh H đồng ý giao cháu H1 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng.

Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận giao cháu H1 cho chị T nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con chị T không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

[5]Về tài sản chung: Chị T và anh H không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[6]Về nợ chung: Chị T và anh H trình bày không có, nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[7]Về án phí hôn nH1 và gia đình sơ thẩm: Chị T phải nộp 300.000đ được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[8]Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát là phù hợp nhận định trên của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 203, Điều 220, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Căn cứ vào các Điều 51, Điều 53, Điều 54, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 59, Điều 69, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 89 của Luật Hôn nhân và Gia đình 2014;

- Căn cứ vào khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” của chị Nguyễn Thị Kim T.

-Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Kim T được ly hôn anh Trang Văn H.

-Về con chung: Có 01 con chung là Trang Ngọc H1, sinh ngày 30/4/2016. Ly hôn giao cho chị Nguyễn Thị Kim T trực tiếp nuôi con.

Về cấp dưỡng nuôi con: Tạm thời anh H không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh H được quyền đi lại thăm nom con không ai được cản trở. Vì lợi ích của con khi cần thiết các bên được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

-Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

-Về án phí: Chị Nguyễn Thị Kim T phải nộp 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0003050 ngày 15/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Cửu.

Nguyên đơn, bị đơn được kháng cáo án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt, niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- UBND xã T;
- VKS ND H. Vĩnh Cửu;
- THA DS H. Vĩnh Cửu;
- Lưu: Hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Đức Đại